PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 3

Unit 5 My hobbies · Lesson 1–2 (SGK tr. 34–37)

Tuần 8

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Vocabulary: điền chữ cái còn thiếu

h__bby sing__ng dr__wing dan__ing

swi__ming ru__ning pain__ing co__king

Bài 2: Circle the correct answer

1. What's your ...? – It's singing. (A) name (B) hobby (C) face
2. I ... drawing. (A) like (B) touch (C) open
3. What's your hobby? – ... dancing. (A) Is (B) This (C) It's
4. What's your hobby? – I like ... (A) is swim (B) swimming (C) swims

Bài 3: Put the words in order

1. hobby? / your / What's

2. like / I / running.

3. dancing. / like / I / and / singing

Bài 4: Phonics (ôn): đọc to, khoanh từ có phần trong ( ) đọc giống

1. (th)is → (A) that (B) thank (C) three
2. (th)ank → (A) this (B) that (C) three
3. (h)air → (A) hand (B) ears (C) eye

Bài 5: Read and circle: đọc rồi khoanh câu trả lời đúng

What's your hobby?

Hello. I'm Hà. I'm nine years old. This is my friend, Khoa. Khoa is eight years old. Khoa: What's your hobby, Hà? Hà: It's singing. I like dancing, too. What's your hobby, Khoa? Khoa: I like swimming. I like running, too.

1. Hà bao nhiêu tuổi? (A) eight (B) nine (C) ten
2. Sở thích của Hà là gì? (A) singing (B) swimming (C) cooking
3. Khoa thích gì? (A) drawing (B) walking (C) swimming
4. Khoa bao nhiêu tuổi? (A) eight (B) nine (C) seven

Bài 6: Let's write: sở thích của em

Viết 2–3 câu về sở thích của em.

What's your hobby? – It's ... / I like ...

onthi.app
Ôn Thi · kho tiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 3

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 8

Bài 1: Vocabulary: điền chữ cái còn thiếu

h**o**bby sing**i**ng dr**a**wing danc**i**ng swi**m**ming ru**n**ning pain**t**ing co**o**king

Bài 2: Circle the correct answer

1. **B** (hobby) 2. **A** (like) 3. **C** (It's) 4. **B** (swimming)

Bài 3: Put the words in order

1. **What's your hobby?**
2. **I like running.**
3. **I like singing and dancing.**

Bài 4: Phonics (ôn): đọc to, khoanh từ có phần trong ( ) đọc giống

1. **A** (that) 2. **C** (three) 3. **A** (hand)

Bài 5: Read and circle: đọc rồi khoanh câu trả lời đúng

1. **B** (nine)
2. **A** (singing)
3. **C** (swimming)
4. **A** (eight)

Bài 6: Let's write: sở thích của em

Mẫu: Hi, I'm Lan. I like drawing. I like singing, too.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án